

**DETERMINATION OF SOME FACTORS RELATED TO *Chlamydia trachomatis* INFECTION IN INFERTILITY WOMEN EXAMINED AND TREATED AT THE NATIONAL HOSPITAL OF OBSTETRICS AND GYNECOLOGY (2020 - 2021)**

**Nguyen Thi Thanh Binh<sup>\*1</sup>, Bui Duc Duy<sup>2</sup>, Nguyen Huu Dung<sup>3</sup>,  
Nguyen Manh Tuan<sup>4</sup>, Vu Thi Minh Nhat<sup>5</sup>, Pham Thuy An<sup>6</sup>**

<sup>1</sup> National Hospital of Obstetrics and Gynecology, <sup>2</sup> Ha Dong Hospital, <sup>3</sup> Binh Tam Eye Hospital, <sup>4</sup> Telephon Hospital, <sup>5</sup> Emira Clinic Kayzen Medical, <sup>6</sup> Dong Nai Hospital

Received 04 May 2024

Accepted 25 June 2024

**Abstract:** A descriptive study was conducted on 761 infertile women aged 18 - 52 at the National Hospital of Obstetrics and Gynecology from 2020 to 2021 in order to identify factors related to *C. trachomatis* infection in infertile women. The results showed that 119 women were identified to be infected with *C. trachomatis*. Factors related to genital *C. trachomatis* infection in infertile women included history of ectopic pregnancy (OR = 3.03; 95%CI: 1.03 - 8.91), having sex before the age of 18 (OR = 2.47; 95%CI: 1.29 - 4.73), having sex with many people (OR = 1.93; 95%CI: 1.05 - 3.57), increased vaginal discharge (OR = 2.58; 95%CI: 1.38-4.81), cervicitis (OR = 20.09; 95%CI: 10.08-40.03) and lower abdominal pain (OR = 5.61; 95%CI: 3.06-10.31). There should be screening measures for *C. trachomatis* infection before performing interventions for infertility.

**Keywords:** Infertility; *C. trachomatis* infection; Related factors

---

\* Corresponding author

E-mail address: Nguyenbinh110875@gmail.com

<https://doi.org/10.56086/jcvb.v4i2.157>

## XÁC ĐỊNH MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN NHIỄM *Chlamydia trachomatis* ĐƯỜNG SINH DỤC Ở PHỤ NỮ VÔ SINH ĐẾN KHÁM, ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG (2020 - 2021)

Nguyễn Thị Thanh Bình\*<sup>1</sup>, Bùi Đức Duy<sup>2</sup>, Nguyễn Hữu Dũng<sup>3</sup>

Nguyễn Mạnh Tuấn<sup>4</sup>, Vũ Thị Minh Nhật<sup>5</sup>, Phạm Thúy An<sup>6</sup>

<sup>1</sup> Bệnh viện Phụ sản Trung ương; <sup>2</sup> Bệnh viện Hà Đông, <sup>3</sup> Bệnh viện Mắt Bình Tâm; <sup>4</sup>

<sup>5</sup> Bệnh viện Bưu điện, <sup>6</sup> Phòng khám Emira Clinic, <sup>6</sup> Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai

Nhận ngày 04 tháng 05 năm 2024

Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 06 năm 2024

**Tóm tắt:** Nghiên cứu mô tả có phân tích thực hiện trên 761 phụ nữ vô sinh trong độ tuổi 18 -52 tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương thực hiện từ năm 2020 đến năm 2021 nhằm xác định các yếu tố liên quan đến nhiễm *C. trachomatis* ở phụ nữ vô sinh khám và điều trị tại Bệnh viện Phụ sản trung ương. Kết quả xác định có 119 phụ nữ nhiễm *C. trachomatis*. Phân tích các yếu tố liên quan đến nhiễm *C. trachomatis* gồm: Một số yếu tố liên quan đến nhiễm *C. trachomatis* sinh dục phụ nữ vô sinh gồm: tiền sử chữa ngoài tử cung (OR = 3,03; 95%CI: 1,03 - 8,91), quan hệ tình dục trước 18 tuổi (OR = 2,47; 95%CI: 1,29 - 4,73), quan hệ tình dục với nhiều người (OR = 1,93; 95%CI: 1,05 - 3,57), tăng tiết dịch âm đạo (OR = 2,58; 95%CI: 1,38-4,81), viêm cổ tử cung (OR = 20,09; 95%CI: 10,08-40,03) và đau bụng dưới (OR = 5,61; 95%CI:3,06-10,31). Cần có các biện pháp sàng lọc nhiễm *C. trachomatis* trước khi thực hiện các kỹ thuật can thiệp vô sinh

*Từ khóa:* Vô sinh; nhiễm *C. trachomatis*; Liên quan

### 1. Đặt vấn đề

*C. trachomatis* là vi khuẩn ký sinh nội bào, bắt màu gram âm. Vi khuẩn này ngoài khả năng gây bệnh ở đường tiết niệu, còn có thể gây bệnh đau mắt hột, viêm phổi ở trẻ em và người lớn suy giảm miễn dịch [1]. Ở phụ nữ, nhiễm *C. trachomatis* đường sinh dục thường không có triệu chứng hoặc triệu chứng thường nhẹ, không đặc hiệu nên việc chẩn đoán, điều trị thường không được quan tâm. Với người có biểu hiện lâm sàng, triệu

chứng thường gặp là viêm cổ tử cung - nguyên nhân gây ra tăng tiết dịch âm đạo, đau bụng dưới, chảy máu và đái khó. Vi khuẩn này cũng có thể gây viêm tiểu khung, viêm vòi trứng, tắc ống dẫn trứng dẫn đến vô sinh chữa ngoài tử cung. Điều này xảy ra ở 10-15% phụ nữ nhiễm *C. Trachomatis* [2,3].

Ở Việt Nam còn ít các nghiên cứu các yếu tố liên quan nhiễm *C. Trachomatis* trên đối tượng vô sinh. Mặt khác *C. trachomatis* cũng là tác nhân quan trọng gây

tắc vòi trứng và vô sinh. Xuất phát từ các lý do trên, nghiên cứu này thực hiện nghiên cứu: Một số yếu tố liên quan tới tình trạng nhiễm *C. trachomatis* ở phụ nữ vô sinh đến khám, điều trị tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương (2020-2021), nhằm xác định vai trò của các yếu tố liên quan đến tình trạng nhiễm *C. Trachomatis* ở phụ nữ vô sinh [4].

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: phụ nữ vô sinh từ 19 - 52 tuổi
- Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Phụ sản Trung ương
- Thời gian nghiên cứu: từ năm 2020 đến năm 2021.

### 2.2. Thiết kế nghiên cứu

Đề tài được thiết kế bằng phương pháp nghiên cứu mô tả.

### 2.3. Cỡ mẫu nghiên cứu

Cỡ mẫu xác định tỷ lệ nhiễm *C. trachomatis* ở đường sinh dục theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{(\epsilon p)^2}$$

Với độ tin cậy 95% ta có  $Z_{1-\alpha/2}^2 = 1,96^2$ .

Lấy  $p = 0,26$ , tham khảo tỷ lệ nhiễm *C. trachomatis* đường sinh dục ở phụ nữ có hội chứng tiết dịch âm đạo đến khám Bệnh viện

Da liễu Tp. Hồ Chí Minh (Hồ Thị Mỹ Châu và CS, 2018), và sai số tương đối mẫu  $\epsilon = 0,12$  (12 %). Từ đó tính được cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là  $n = 759$  [2]. Trên thực tế đã thu thập bệnh phẩm và thông tin của 761 bệnh nhân nữ đến khám và điều trị vô sinh tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương. Gồm toàn bộ những phụ nữ có kết quả xét nghiệm xác định nhiễm *C. trachomatis* bằng bộ sinh phẩm cobas® CT/NG áp dụng cho hệ thống Cobas® 4800 của hãng Roche theo hướng dẫn của nhà sản xuất trong số 761 phụ nữ vô sinh đến khám và điều trị có 119 phụ nữ vô sinh từ 19 đến 52 tuổi được xác định nhiễm *C. trachomatis* đường sinh dục được mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng.

Chọn mẫu thuận tiện, những người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn lựa chọn được khám lâm sàng, lấy dịch phết cổ tử cung để xét nghiệm *C. trachomatis* và phỏng vấn thu thập thông tin.

### 2.4. Nội dung nghiên cứu

- Xác định tỷ lệ nhiễm *C. trachomatis* ở phụ nữ vô
- Phân tích một số yếu tố liên quan với nhiễm *C. trachomatis* đường sinh dục phụ nữ vô sinh.

### 2.5. Các biến số trong nghiên cứu

Các biến số nghiên cứu gồm nhóm tuổi, nghề nghiệp, dân tộc, trình độ học vấn, tình

trạng hôn nhân, tuổi kết hôn, tuổi có thai lần đầu, số lần mang thai, số lần sinh, số con còn sống, quan hệ tình dục trước hôn nhân, số người đã từng quan hệ tình dục, tiền sử nạo phá thai, tiền sử sảy thai, tiền sử viêm âm đạo, sinh dục, loại vô sinh, thời gian bị vô sinh...

## 2.6. Các kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu

- Kỹ thuật điều tra thông tin của đối tượng nghiên cứu
- Kỹ thuật khám phụ khoa và thu thập mẫu dịch phết cổ tử cung
- Kỹ thuật phết cổ tử cung xác định nhiễm *C. trachomatis*. Mẫu dịch phết cổ tử cung được xác định nhiễm *C. trachomatis* bằng bộ sinh phẩm Cobas 4800® CT/NG Test trên hệ thống Cobas® 4800 dựa trên

nguyên lý realtime PCR theo hướng dẫn của nhà sản xuất .

## 2.7. Lưu trữ và bảo quản mẫu nghiên cứu

Mẫu dịch phết cổ tử cung trong dung dịch bảo quản mẫu Cobas® PCR Media (Roch) được dán nhãn mã số, ghi các thông tin ngày giờ lấy mẫu, tên, tuổi và được lưu trữ ở -20°C.

## 2.8. Phân tích số liệu

- Kết quả nghiên cứu được phân tích, xử lý bằng phần mềm IBM SPSS 20.0. Các biến số tính toàn tỷ lệ (%) và/hoặc giá trị trung bình. Các yếu tố liên quan được xác định thông qua phân tích giá trị *p*, tỷ suất chênh OR và 95%CI. Giá trị *p* < 0,05 được xác định có ý nghĩa thống kê.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Một số yếu tố tiền sử sản phụ khoa

**Bảng 1. Liên quan giữa một số yếu tố tiền sử sản phụ khoa với tình trạng nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh (n = 761)**

Yếu tố tiền sử		Tình trạng nhiễm <i>C. Trachomatis</i>			OR (95% CI); Giá trị p
		Dương tính	Âm tính	Tổng	
Tiền sử viêm âm đạo, cổ tử cung	Có	81	202	283	4,64 (3,05 - 7,07); 0,0001.
	Không	38	440	478	
	Tổng	119	642	761	
Tiền sử nạo hút thai	Có	36	145	181	1,49 (0,96-2,29); 0,0725
	Không	83	497	580	
	Tổng	119	642	761	
Tiền sử sảy thai	Có	33	175	208	1,02 (0,66 - 1,59); 0,9154
	Không	86	467	553	
	Tổng	119	642	761	
Tiền sử chữa ngoài tử cung	Có	8	19	27	2,36 (1,01-5,53); 0,042
	Không	111	623	734	

	Tổng	119	642	761	
Phẫu thuật vùng bụng dưới, khung chậu	Có	28	99	127	1,69 (1,05 - 2,71); 0,0307
	Không	91	543	634	
	Tổng	119	642	761	

Phụ nữ vô sinh có tiền sử viêm âm đạo, viêm cổ tử cung, chữa ngoài tử cung và phẫu thuật vùng bụng dưới có liên quan với nhiễm *C. trachomatis* với các giá trị OR, 95%CI tương ứng 4,64 (3,05-7,07); 2,36 (1,01-5,53); 1,69 (1,05 - 2,71).

### 3.2 Một số yếu tố về quan hệ tình dục

**Bảng 2. Liên quan giữa một số đặc điểm về quan hệ tình dục với tình trạng nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh**

Đặc điểm	Tình trạng nhiễm <i>C.trachomatis</i>			OR (95% CI); giá trị p
	Dương tính	Âm tính	Tổng	
<b>Tuổi quan hệ tình dục lần đầu</b>				
Trước 18 tuổi	45	109	154	2,97(1,95 - 4,54); 0,0001.
Sau 18 tuổi	74	533	607	
Tổng	119	642	761	
<b>Thời điểm quan hệ tình dục lần đầu</b>				
Trước khi kết hôn	83	360	443	1,81(1,19 - 2,75); 0,0059
Sau khi kết hôn	36	282	318	
Tổng	119	642	761	
<b>Số người quan hệ tình dục</b>				
Nhiều hơn một người	45	154	199	1,93(1,28 - 2,91); 0,0018
Chỉ một người	74	488	562	
Tổng	119	642	761	

Có liên quan giữa nhiễm *C.trachomatis* với quan hệ tình dục lần đầu trước 18 tuổi, quan hệ tình dục trước hôn nhân và quan hệ tình dục với nhiều bạn tình với các giá trị OR, 95%CI tương ứng 2,97(95%CI:1,95 - 4,54); 1,81 (95%CI: 1,19 - 2,75); 1,93(95%CI: 1,28 - 2,91).

### 3.3. Tình trạng hôn nhân liên quan với nhiễm *C.trachomatis*

**Bảng 3. Liên quan tuổi kết hôn với tình trạng nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh**

Tình trạng hôn nhân		Tình trạng nhiễm <i>C. Trachomatis</i>			OR (95% CI); Giá trị p
		Dương tính	Âm tính	Tổng	
Tuổi kết hôn	Trước 22	51	182	233	1,90 (1,27 - 2,83); 0,0018.
	Sau 22 tuổi	68	460	548	
	Tổng	119	642	761	

Tỷ lệ nhiễm *C. trachomatis* ở phụ nữ vô sinh kết hôn trước 22 tuổi cao gấp 1,90 lần (95%CI: 1,27 – 2,83) so với phụ nữ vô sinh kết hôn sau 22 tuổi, với ( $p < 0,01$ ).

### 3.4. Liên quan giữa kiểu vô sinh, thời gian mắc vô sinh với tình trạng nhiễm *C. trachomatis*

**Bảng 4. Liên quan giữa loại vô sinh với tình trạng nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh**

Tình trạng vô sinh		Tình trạng nhiễm <i>C. Trachomatis</i>			OR (95% CI); Giá trị p
		Dương tính	Âm tính	Tổng	
Loại vô sinh	Nguyên phát	57	235	292	0,90 (0,61 – 1,33); 0,58.
	Thứ phát	62	317	379	
	Tổng	119	642	761	

Phân tích đơn biến không có liên quan giữa kiểu vô sinh và nhiễm *C.trachomatis* ( $p > 0,05$ ).

### 3.5 Liên quan giữa một số đặc điểm lâm sàng với tình trạng nhiễm *C. trachomatis* ở phụ nữ vô sinh

**Bảng 5. Liên quan giữa viêm âm đạo, cổ tử cung, đau bụng dưới với tình trạng nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh (n = 761)**

Tình trạng hôn nhân	Tình trạng nhiễm <i>C. Trachomatis</i>			OR (95% CI); Giá trị p
	Dương tính	Âm tính	Tổng	

<b>Tăng tiết dịch âm đạo</b>				
Có	80	338	418	1,84(1,22 – 2,79); 0,003
Không	39	304	343	
<b>Tổng</b>	<b>119</b>	<b>642</b>	<b>761</b>	
<b>Viêm âm đạo</b>				
Có	90	202	292	6,76(4,31 - 10,61); 0,0001
Không	29	440	469	
<b>Tổng</b>	<b>119</b>	<b>642</b>	<b>761</b>	
<b>Viêm cổ tử cung</b>				
Có	96	104	200	21,59(13,08 – 35,64); 0,0001
Không	23	538	561	
<b>Tổng</b>	<b>119</b>	<b>642</b>	<b>761</b>	
<b>Đau bụng dưới</b>				
Có	48	64	112	6,11(3,90-9,56); 0,0001
Không	71	578	649	
<b>Tổng</b>	<b>119</b>	<b>642</b>	<b>761</b>	

Có liên quan giữa nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh có tăng tiết dịch âm đạo, viêm âm đạo, viêm cổ tử cung và đau bụng dưới với các giá trị OR,95%CI: tương ứng 1,84(95%CI:1,22-2,79); 6,76(95%CI:4,31-10,61) và 21,59(95%CI:13,08–35,64); 6,11 (95%CI: 0,61-1,33).

### 3.6. Kết quả phân tích tương quan đa biến

**Bảng 3.6. Kết quả phân tích đa biến liên quan giữa một số yếu tố với tình trạng nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh**

Yếu tố phân tích	OR, 95%CI:	Giá trị p
Tiền sử viêm âm đạo, cổ tử cung	1,59 (0,91-2,78)	0,106
<b>Tiền sử chữa ngoài tử cung</b>	<b>3,03 (1,03-8,91)</b>	<b>0,043</b>
Tiền sử phẫu thuật vùng bụng dưới, khung chậu	1,16 (0,61-2,22)	0,646
Bạn đời/bạn tình mắc STDs	1,61 (0,35-7,49)	0,546
<b>Tuổi quan hệ tình dục lần đầu (trước 18 tuổi)</b>	<b>2,47 (1,29-4,73)</b>	<b>0,007</b>
Thời điểm quan hệ tình dục (trước hôn nhân)	1,22 (0,66-2,23)	0,527
<b>Quan hệ tình dục với nhiều hơn 1 người</b>	<b>1,93 (1,05-3,57)</b>	<b>0,035</b>
Kết hôn trước 22 tuổi	0,98 (0,54-1,77)	0,979
<b>Tăng tiết dịch âm đạo</b>	<b>2,58 (1,38-4,81)</b>	<b>0,003</b>

Viêm âm đạo	1,81 (0,91-3,60)	0,092
<b>Viêm cổ tử cung</b>	<b>20,09 (10,08-40,03)</b>	<b>&lt; 0,001</b>
<b>Đau bụng dưới</b>	<b>5,61 (3,06-10,31)</b>	<b>&lt; 0,001</b>

Kết quả phân tích đa biến cho thấy, các yếu tố như tiền sử chữa ngoài tử cung, quan hệ tình dục trước 18 tuổi, quan hệ tình dục với nhiều người, tăng tiết dịch âm đạo, viêm cổ tử cung và đau bụng dưới có liên quan với tình trạng nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh.

#### 4. Bàn luận

Ở nghiên cứu này, tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* ở nhóm phụ nữ vô sinh  $\leq 25$  tuổi cao hơn so với nhóm trên 25 tuổi nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,9227$ ). Các nghiên cứu đã công bố trước đồng thuận khi cho rằng, tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* thường cao hơn ở nhóm phụ nữ trẻ tuổi. Nghiên cứu của Rawre và CS (2016) trên phụ nữ vô sinh ở Ấn Độ cho thấy, tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh dưới 30 tuổi cao hơn nhóm trên 30 tuổi nhưng sự khác biệt cũng không có ý nghĩa thống kê (OR = 1,25; 95%CI: 0,73–2,15). Một nghiên cứu khác của Li và CS (2021) thực hiện tại Quảng Đông, Trung Quốc [5] cũng cho kết quả tương tự. Các nghiên cứu trước đều thống nhất rằng, phụ nữ trẻ tuổi là yếu tố nguy cơ quan trọng nhiễm *C.trachomatis* và đối tượng này cần được ưu

tiên lựa chọn trong các chương trình giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi và sàng lọc phát hiện nhiễm *C.trachomatis*, nhất là ở cộng đồng. Lực lượng chuyên trách các dịch vụ dự phòng và CDC Hoa Kỳ khuyến cáo rằng, tất cả phụ nữ dưới 25 tuổi đã có quan hệ tình dục và những phụ nữ tuổi cao hơn có yếu tố nguy cơ nên được sàng lọc phát hiện nhiễm *C.trachomatis* hàng năm. Tuy nhiên, vấn đề sàng lọc nhiễm *C.trachomatis* một cách thường quy chưa thực sự được quan tâm ở Việt Nam. Gần đây, Bộ Y tế ban hành "Hướng dẫn sàng lọc và xử trí nhiễm *Chlamydia trachomatis* và lậu cầu ở phụ nữ mang thai"(2019) và "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh *Chlamydia trachomatis*" (2021) [6]. Tuy nhiên, chỉ những phụ nữ mang thai 3 tháng đầu có tuổi  $< 25$  hoặc  $> 25$  tuổi nhưng có nguy cơ cao mới được khuyến cáo sàng lọc thường quy, còn lại những đối tượng khác không khuyến cáo sàng lọc thường quy.

Kết quả phân tích đa biến chỉ ra rằng, không thấy sự liên quan giữa tiền sử nạo hút thai, sảy thai, loại vô sinh, thời gian mắc vô sinh, bạn đời/bạn tình có tiền sử mắc STDs, tiền sử viêm âm đạo, viêm cổ tử cung, tiền sử phẫu thuật vùng bụng dưới, quan hệ



tình dục trước hôn nhân, tuổi kết hôn trước 22 tuổi, biểu hiện viêm âm đạo với tình trạng nhiễm *C.trachomatis* ...

Quan hệ tình dục với nhiều người làm tăng nguy cơ nhiễm *C.trachomatis*. Trong nghiên cứu này, tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* có liên quan với tuổi có quan hệ tình dục lần đầu và số người quan hệ tình dục. Cụ thể, tỷ lệ phụ nữ vô sinh bắt đầu quan hệ tình dục trước 18 tuổi nhiễm *C.trachomatis* cao gấp 2,47 lần (95%CI: 1,29-4,73) so với nhóm bắt đầu quan hệ tình dục sau 18 tuổi với ( $p = 0,007$ ). Nhóm phụ nữ vô sinh có quan hệ tình dục với nhiều hơn 1 người có tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* cao hơn 1,93 lần (95%CI: 1,05-3,57) so với và quan hệ tình dục với chỉ 1 người ( $p = 0,035$ ). Kết quả này phù hợp với các tài liệu y văn đã công bố.

Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng, tăng tiết dịch âm đạo có liên quan với nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ bị vô sinh. Cụ thể, tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ có triệu chứng tăng tiết dịch âm đạo cao gấp 2,58 lần (95%CI: 1,38-4,81) so với những phụ nữ không có triệu chứng này, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,003$ ). Nghiên cứu của Rawre và CS (2016) trên phụ nữ vô sinh tại Ấn Độ cũng cho kết quả tương tự [7]. Theo đó, tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ có triệu chứng tăng tiết dịch âm đạo cao gấp

14,58 lần (95%CI 8,28–25,68) so với phụ nữ không có triệu chứng này ( $p < 0,001$ ). Viêm cổ tử cung, đau vùng bụng dưới cũng được xác định có liên quan với nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ bị vô sinh. Cụ thể, tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* ở phụ nữ vô sinh có viêm cổ tử cung và đau bụng dưới cao gấp 20,09 lần (95%CI: 10,08 – 40,03) và 5,61 lần (95%CI: 3,06-10,31) so với phụ nữ vô sinh có các triệu chứng này, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

### 5. Kết luận

Một số yếu tố liên quan đến nhiễm *C. trachomatis* sinh dục phụ nữ vô sinh gồm: tiền sử chữa ngoài tử cung (OR = 3,03; 95%CI: 1,03 - 8,91), quan hệ tình dục trước 18 tuổi (OR = 2,47; 95%CI: 1,29 - 4,73), quan hệ tình dục với nhiều người (OR = 1,93; 95%CI: 1,05 - 3,57), tăng tiết dịch âm đạo (OR = 2,58; 95%CI: 1,38-4,81), viêm cổ tử cung (OR = 20,09; 95%CI: 10,08-40,03) và đau bụng dưới (OR = 5,61; 95%CI:3,06-10,31).

### Tài liệu tham khảo

- [1] Rodinggues R., Sousa C., Vale N (2022), *Chlamydia trachomatis* as a Current Health Problem: Challenges and Opportunities. *Diagnostics*.vol.12(8):1795

- [2] Hồ Thị Mỹ Châu, Châu Văn Trở (2018), Xác định tác nhân gây bệnh của hội chứng tiết dịch âm đạo tại Bệnh viện Da liễu TP Hồ Chí Minh 2016 -2017, tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh, số.22: 50.
- [3] Menon S., Timms P., Allan JA, et al (2015), Human and Pathogen Factor Associated with *Chlamydia trachomatis* – Related Infertility in Woman, Clinical Microbiology Reviews, Vol.28(4):969-985
- [4] Le MT, Nguyen TLN, Le DD et al (2019), Is genital tract infection related to tubal diseases in infertile Vietnam woman? The Journal of Infection in Developing Countries, Vol.13(10):906-913.
- [5] Li C., Tang W., Ho HC et al (2021), Prevalence of *Chlamydia trachomatis* Among Pregnant Woman, Gynecology Clinic Attended and Subfertile Woman in Guangdong China: A Cross-sectional Survey, Open Forum Infectious Diseases, Vol.8(6):206
- [6] Bộ Y tế (2019), Hướng dẫn sàng lọc và xử trí nhiễm *Chlamydia trachomatis* và lậu cầu ở phụ nữ mang thai – ban hành kèm theo Quyết định số 3793/QĐ-BYT ngày 27/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- [7] Rawre J., Dhawan B., Khanna N et al (2019), Distribution of *Chlamydia trachomatis* omp A genotypes in patients attending a sexually transmitted diseases outpatient clinic in New Delhi India., The Indian Journal research, Vol.149(5):662-670.